

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 24-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Sinh.

2. Bà Mùa Thị Máy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Chổng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La:

Cán bộ chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ: Ông Lò Văn Vũ và ông Đinh Thành Trung.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn D**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07/6/1995 tại xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản L, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn H; sinh năm 1965 và bà Vì Thị T; sinh năm 1966; bị cáo có vợ Vì Thị D, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 09 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 11/9/2024 đến nay có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D: Ông Đàm Mạnh Hùng – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị hại: Ông Vì Văn D1; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản L, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 10/9/2024, Lò Văn D một mình đi bộ từ nhà vào trung tâm bản Lùm Hạ, xã P, B chơi. Khi đi qua nhà Vì Văn D1 (người cùng bản), D nhìn thấy dưới gầm sàn nhà D1 có 03 chiếc xe mô tô, trong đó có 01 chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67, chìa khoá vẫn đang cắm ở ổ khoá không có người quản lý. D quan sát xung quanh không thấy người qua lại, gia đình của D1 đã tắt điện đi ngủ nên D nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Lò Văn D đi vào trong gầm sàn nhà D1 dắt chiếc xe mô tô đang cắm chìa khoá ra ngoài cổng lên đường dân sinh cách nhà D1 khoảng 20 mét, D mở chìa khoá, nổ máy điều khiển chiếc xe đi đến bản Lúa Xe, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La để tìm nơi bán chiếc xe. Khi đi đến bản Lúa Xe, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La, D đi vào nhà Lường Văn Sác để gạ bán xe máy nhưng Lường Văn Sác không mua. D xin ngủ nhờ nhà Sác qua đêm. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 11/9/2024, D điều khiển xe mô tô BKS: 26K1-130.67 đến nhà Lò Văn Ninh (*anh rể của D*) trú tại bản Hin Phá, xã Chiềng Hoa, Mường La để ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì Lò Văn D bị Cơ quan CSĐT Công an huyện B phối hợp với Công an xã P phát hiện bắt giữ và đưa D cùng chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 về Cơ quan CSĐT Công an huyện giải quyết.

Vật chứng thu giữ:

Vật chứng thu giữ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp Lò Văn D: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn đen bạc, BKS: 26K1-130.67 (kèm theo 01 chiếc chìa khoá của xe mô tô BKS: 26K1-130.67).

Tạm giữ với Vì Văn D1: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008324, mang tên Hoàng Hải Sơn, đăng ký ngày 24/5/2017.

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG Ngày 17/9/2024 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: “Giá trị tài sản 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn đen bạc, số máy JA39E0061866, số khung 3900HY061853, BKS: 26K1-130.67, xe đã qua sử dụng, có giá trị là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Lò Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn D mức án tù 08 tháng đến 14 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an huyện B đã làm thủ tục trả lại cho bị hại Vì Văn D1 01 chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 cùng chìa khoá xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008324, mang tên Hoàng Hải Sơn, đăng ký ngày 24/5/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Vì Văn D1 không có yêu cầu, đề nghị bị cáo bồi thường gì.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Lò Văn D.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn D khẳng định bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước và một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo Lò Văn D phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn D mức án thấp nhất, cho bị cáo được hưởng mức án 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và xin được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Lò Văn D tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được miễn tiền án phí.

Bị hại Vì Văn D1, trình bày ý kiến tại các biên bản ghi lời khai: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu, đề nghị bị cáo bồi thường gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa bị hại đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy các lời khai có trong hồ sơ vụ án

đã rõ, việc họ vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt họ đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: Bị cáo Lò Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, ngày 10/9/2024 Lò Văn D đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn đen bạc, BKS: 26K1-130.67 của anh Vì Văn D1 có giá trị 10.000.000 đồng. Sau khi lấy trộm được điện thoại, Lò Văn D đã đi đến xã Chiềng Hoa, huyện Mường La để tiêu thụ chiếc xe nhưng chưa bán được thì đến ngày 11/9/2024 thì hành vi của Lò Văn D bị phát hiện.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lò Văn D đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, tội danh quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn D: Xét hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bất chính, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lò Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế, do vậy bị cáo Lò Văn D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn D đã giao nộp 01 giấy báo tin liệt sĩ của ông Lò Văn Quát nhưng qua xác minh tại phiên tòa ông Lò Văn Quát là anh trai của bố bị cáo nên

Hội đồng xét xử không xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Lò Văn D.

[6] Về hình phạt chính: Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Bên cạnh đó, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị cáo là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, khi các cơ quan chức năng tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với Lò Văn D cho kết quả D tính, do vậy, cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình..

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vì Văn D1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, cần ghi nhận.

[9] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 cùng chìa khoá xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008324, mang tên Hoàng Hải Sơn, đăng ký ngày 24/5/2017 là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Vì Văn D1, ông Vì Văn D1 đề nghị được xin lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã làm thủ tục trả lại cho ông Vì Văn D1 là đúng quy định của pháp luật cần ghi nhận.

[10] Đối với Lương Văn Sác và Lò Văn Ninh, khi Lò Văn D điều khiển chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 lấy trộm được đến nhà Sác, Ninh thì Sác, Ninh không có sự hứa hẹn, trao đổi, bàn bạc từ trước và không biết chiếc xe mô tô đó do D trộm cắp mà có, Do vậy, không có căn cứ xử lý Lương Văn Sác và Lò Văn Ninh.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình thuộc diện hộ nghèo; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm Tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D 09 (Chín) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 11/9/2024 là ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lò Văn D.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Vì Văn D1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã làm thủ tục trả lại cho ông Vì Văn D1: 01 chiếc xe mô tô BKS: 26K1-130.67 cùng chìa khoá xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008324, mang tên Hoàng Hải Sơn, đăng ký ngày 24/5/2017.

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn D.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Huyền Trang